

Phụ lục II
BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ CÁC LOẠI LÂM SẢN
RỪNG TRỒNG, VƯỜN TRỒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2024/QĐ-UBND
Ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Loài cây	Giá (đồng/m ³)	Ghi chú
1	Gỗ muồng đen		
	Đường kính < 35 cm	1.100.000	
	Đường kính từ 35 cm - 50 cm	1.800.000	
	Đường kính > 50 cm	2.500.000	
2	Gỗ Keo lá tràm	600.000	
3	Gỗ Keo tai tượng	420.000	
4	Gỗ Keo lai	600.000	
5	Gỗ Bạch đàn	660.000	
6	Gỗ Thông các loại		
	Đường kính < 25 cm	1.380.000	
	Đường kính từ 25cm - 35 cm	1.930.000	
7	Gỗ Tẻch	1.800.000	
8	Các loài khác	Bảng 80% giá tính thuế của các loại lâm sản rừng tự nhiên cùng nhóm, loài, đường kính tương ứng	